TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/**2023/DS-ST
Ngày: 05/06/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Mai Thị Nhặc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 04 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Đức T, sinh năm 2001 (Có mặt);

Địa chỉ: số 261 ấp 5, xã Tr, Thnh phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn:

2.1 Chị Hồ Thị Hồng C, sinh năm 1982 (Có mặt);

2.2 Anh Ngô Văn Qu, sinh năm 1977 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T 1, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Đức T trình bày:

Đầu năm 2021, do quen biết ông Nguyễn Văn Th và vợ chồng anh Ngô Văn Qu, chị Hồ Thị Hồng C có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau. Hai bên thỏa thuận khi nhận hàng anh Qu, chị C sẽ thanh toán, hình thức thanh toán là tiền mặt nhưng do chị C xin nợ lại đến khi xuất chuồng sẽ trả tất nên ông Th đồng ý.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 09/10/2021 anh Qu, chị C còn nợ ông Th số tiền 225.571.000 đồng theo biên bản xác nhận nợ có chữ ký của chị C, đồng thời chị C cũng có hứa miệng sẽ trả tất cho ông Th số tiền này trong vòng 02 tháng kể từ ngày ký xác nhận nợ. Tuy nhiên, anh Qu, chị C chỉ thanh toán được số tiền 85.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 140.571.000 đồng. Ông Th đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng anh Qu, chị C không thực hiện.

Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu anh Qu, chị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ thức ăn là: tiền gốc là 140.571.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày 10/05/2023 là 19 tháng, với số tiền là 22.168.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 162.739.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đối yêu cầu xin trả dần và nội dung anh Qu, chị C không đồng ý chịu lãi thì nguyên đơn không đồng ý.

Theo nội dung bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Hồ Thị Hồng C, anh Ngô Văn Qu trình bày:

Trước đây khoảng năm 2017, 2018 giữa vợ chồng anh, chị đã có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Th, vợ chồng anh chăn nuôi heo, gà, bò, vịt. Hai bên thỏa thuận ông Th cung cấp thức ăn đầy đủ đến khi xuất chuồng sẽ trả tiền thức ăn. Thỏa thuận miệng không có lập Thnh văn bản. Khi mua bán hai bên có lập sổ theo dõi, mỗi bên giữ một cuốn.

Cuối tháng 11 năm 2020 vợ chồng anh, chị có ý định nuôi gà số lượng lớn và ông Th cũng có vô nhà vợ chồng anh, chị kêu cứ mua con giống nuôi, ông Th bao thức ăn đến khi gà xuất chuồng thì trả tiền thức ăn nên vợ chồng anh, chị có mua 6000 con gà giống về nuôi. Ông Th cung cấp thức ăn cho vợ chồng anh, chị nuôi gà được khoảng hai tháng, sau đó ông Th vô nhà nói là không còn khả năng giao thức ăn nữa, mỗi ngày chỉ giao 2,3 bao không đủ cho gà ăn nên gà đói chết thiệt hại gần 2.000 con gà. Vợ chồng anh, chị phải đi mua thức ăn chỗ khác để nuôi tiếp đàn gà đến khi ra chuồng. Đến đầu năm 2021 (âm lịch) thì hai bên ngừng mua bán thức ăn

với nhau, khi ngừng thì vợ chồng anh, chị còn nợ ông Th số tiền 225.571.000 đồng. Sau đó bán gà có trả cho ông Th một lần 50.000.000 đồng, một lần 35.000.000 đồng. Tổng số tiền trả là 85.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 140.571.000 đồng.

Anh, chị thừa nhận hai bên ngừng mua bán trước đó vài tháng, đến ngày 09/10/2021 hai bên mới chốt công nợ với số tiền 225.571.000 đồng, chứng cứ Tờ xác nhận công nợ của nguyên đơn cung cấp thì anh chị thừa nhận chữ viết trong tờ xác nhận này là của chị C viết, và chị C có ký tên xác nhận tại mục "Bên mua". Mặc dù trong biên bản xác nhận nợ chỉ có chị C ký tên nhưng vợ chồng anh chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh, chị. Khi làm xác nhận nợ chị C không có nói miệng là sẽ trả số tiền còn nợ lại trong vòng 02 tháng như nguyên đơn trình bày, chỉ có hứa trả từ từ.

Vợ chồng anh, chị thừa nhận còn nợ ông Th số tiền gốc là 140.571.000 đồng, vợ chồng anh, chị đồng ý liên đới cùng nhau trả cho ông Th số tiền gốc này, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn không thể trả hết số tiền này một lần, xin trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với số tiền lãi là 22.168.000 đồng thì vợ chồng anh, chị không đồng ý trả, do trước đây ông Th không có thỏa thuận lãi với vợ chồng anh, chị và tự ý cắt ngang thức ăn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền thức ăn là 140.571.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày 10/5/2023. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là văn bản chốt nợ với số tiền 225.571.000 đồng, chị C có ký tên xác nhận. Chị C, anh Qu thừa nhận có thỏa thuận mua bán thức ăn với ông Th và hiện nay còn nợ số tiền 140.571.000 đồng, anh chị thừa nhận đây là nợ chung và đồng ý liên đới trả nên ghi nhận. Anh Qu, chị C thừa nhận sau khi xuất bán gà đã không thanh toán cho ông Th theo thỏa thuận do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp. Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ông Th khởi kiện cho rằng giữa ông với chị C, anh Qu có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau, sau khi hai bên ngừng mua bán đến ngày 09/10/2021 hai bên có chốt công nợ với nhau, tại thời điểm này chị C, anh Qu còn nợ lại ông Th số tiền 225.571.000 đồng. Sau đó, chị C, anh Qu có trả cho ông Th tổng số tiền là 85.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền 140.571.000 đồng. Ông Th yêu cầu chị C, anh Qu có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền này. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là văn bản chốt nợ không có ghi tiêu đề, ngày 09/10/2021. Đối với lời trình bày và các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đều thống nhất và thừa nhận hiện nay còn nợ ông Th số tiền gốc là 140.571.000 đồng. Chị C, anh Qu đồng ý liên đới trả số tiền này cho ông Th. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Ông Th yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 10/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng, tạm tính từ ngày 10/10/2021 đến ngày 23/05/2023 (tính tròn 19 tháng) với số tiền là 22.168.000 đồng. Chị C, anh Qu không đồng ý chịu lãi cho rằng giữa hai bên không có thỏa thuận lãi và ông Th tự ý cắt ngang thức ăn gây thiệt hại cho anh chị.

Thấy rằng, hai bên đều thống nhất khi mua bán có thỏa thuận thời gian thanh toán là khi xuất bán sẽ trả tiền. Ông Th cho rằng, sau khi hai bên chấm dứt việc mua bán, ông đã nhiều lần yêu cầu Chị C, anh Qu thanh toán số tiền còn nợ lại, nhưng chị C, anh Qu chưa thanh toán. Chị C, anh Qu cũng thừa nhận khi hai bên chốt công nợ thì anh chị đã xuất bán gà nhưng chưa thanh toán được tiền cho ông Th do thua lỗ, sau đó anh chị có xuất bán đàn gà khác và trả cho ông Th hai lần với số tiền 85.000.000 đồng, sau đó không có trả thêm cho ông Th khoản tiền nào nữa do hoàn do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Như vậy, có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận thời gian thanh toán tiền là khi xuất bán nhưng chị C, anh Qu sau khi xuất bán không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán.

Căn cứ khoản 1, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: "1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả."

Như vậy, việc ông Th yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận. Chị C, anh Qu cho rằng do ông Th tự ý cắt ngang thức ăn gây thiệt hại cho anh, chị nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình.

Về mức lãi suất chậm thanh toán:

Các bên thừa nhận không có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán.

Căn cứ khoản 2, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: " 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: " Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Qu hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Qu hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Như vậy, mức lãi suất chậm thanh toán được xác định là 10%/năm.

Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0.83% tháng, tức 9.96%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi chậm thanh toán:

Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Th yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị C, anh Qu thừa nhận khi hai bên chốt công nợ ngày 09/10/2021 thì anh, chị đã xuất bán gà trước đó nhưng không thanh toán được tiền thức ăn cho ông Th do thua lỗ. Như vậy, anh Qu, chị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trước ngày chốt công nợ nhưng ông Th chỉ yêu cầu tính lãi sau ngày chốt công nợ là ngày 10/10/2021 là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2021 đến ngày 10/5/2023 là 19 tháng, thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Về số tiền gốc tính lãi chậm thanh toán: Tại thời điểm ngày 10/10/2021 số tiền gốc chị C, anh Qu còn nợ ông Th là 225.571.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu

cầu tính lãi trên số tiền gốc tại thời điểm trả sau cùng 140.571.000 đồng để tính lãi chậm thanh toán nên được chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi châm thanh toán là: 140.571.000 đồng x 0.83% x 19 tháng = 22.168.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc lãi hiện nay chị C, anh Qu còn nợ ông Th là 162.739.000 đồng, trong đó tiền gốc là 140.571.000 đồng, tiền lãi là 22.168.000 đồng, chị C, anh Qu phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th số tiền này.

Đối với yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực của nguyên đơn và yêu cầu xin trả dần của chị C, anh Qu với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi xong các khoản nợ do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thấy rằng, các yêu cầu này là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án, thuộc giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 162.739.000 đồng x 5% = 8.136.000 đồng, chị C và anh Qu phải liên đới chịu.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Th số tiền tạm ứng án phí là 3.981.000 đồng theo biên lai thu số 0004695 ngày 07/04/2023 (do Võ Đức T nộp thay) và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004838 ngày 23/05/2023 (do Võ Đức T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th đối với chị Hồ Thị Hồng C và anh Ngô Văn Qu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc chị Hồ Thị Hồng C và anh Ngô Văn Qu phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền là 162.739.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 140.571.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), tiền lãi là 22.168.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.136.000 đồng (Tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) chị Hồ Thị Hồng C và anh Ngô Văn Qu phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Th số tiền tạm ứng án phí là 3.981.000 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004695 ngày 07/04/2023 (do Võ Đức T nộp thay) và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004838 ngày 23/05/2023 (do Võ Đức T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến